

Số: 2422/KH-ĐHQB

Quảng Trị, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Công khai trong hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình năm 2026

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình (ĐHQB) ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHQB ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHQB;

Trường Đại học Quảng Bình ban hành Kế hoạch thực hiện công khai hoạt động năm 2026 với các nội dung chi tiết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quyền và nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về công khai trong hoạt động của Trường ĐHQB.

Nâng cao tính minh bạch thông tin, trách nhiệm giải trình của Nhà trường đối với người học, xã hội và cơ quan quản lý có thẩm quyền về các điều kiện bảo đảm chất lượng, mức học phí, các khoản thu dịch vụ và kết quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

2. Yêu cầu

Thông tin cung cấp công khai phải đảm bảo chính xác, cập nhật liên tục, đầy đủ và dễ dàng tiếp cận.

Hình thức công khai rõ ràng, lưu trữ tối thiểu đúng thời hạn quy định phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra giám sát.

Các đơn vị thực hiện đúng phạm vi, thời hạn, hình thức công khai theo phân công.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Các nội dung công khai thực hiện theo quy định tại Mục 1, Mục 5 Chương II Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

1. Thông tin chung về Nhà trường;
2. Thu, chi tài chính;
3. Điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu;
4. Kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức công khai

- Công khai trên Cổng thông tin điện tử Trường ĐHQB, tại chuyên mục “Ba công khai – Công khai”.

- Niêm yết bản in tại Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra và đối chiếu minh chứng.

2. Thời gian công khai

Công bố công khai trước ngày 30 tháng 06 hằng năm. Thông tin phải được lưu trữ liên tục trên hệ thống điện tử tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố. Nếu phát sinh thay đổi biến động lớn về nội dung thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của Nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

TT	Đơn vị chủ trì	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục	Đơn vị đầu mối hướng dẫn các đơn vị báo cáo số liệu; đơn đốc các đơn vị tập hợp số liệu; tổng hợp thành Báo cáo thường niên trình Hiệu trưởng phê duyệt.	Tháng 01/2027
		Báo cáo theo mục IV của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm
		Cập nhật toàn bộ thông tin công khai lên Website Trường; Tổng hợp, đánh giá công tác công khai năm 2026; Xây dựng phương hướng năm học 2027-	Trước 30/6/2027

		2028	
2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Báo cáo theo mục I, II, VIII của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm
3	Phòng Quản trị	Báo cáo mục III của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm
4	Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên	Báo cáo mục V của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm
5	Phòng Khoa học công nghệ-Đổi ngoại và HL	Báo cáo mục VI của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm
6	Phòng Kế hoạch, Tài chính và QLĐT	Báo cáo mục VII của Phụ lục II	Số liệu tính đến 31 tháng 12 hàng năm

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục

Là đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện công khai của các đơn vị; báo cáo Hiệu trưởng trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Các phòng chức năng thuộc Trường

Căn cứ nội dung được phân công tại Mục IV của Kế hoạch này, tổ chức thực hiện công khai đầy đủ, đúng thời hạn trên website của đơn vị; đồng thời gửi file dữ liệu công khai về địa chỉ email phongdbclgd@qbu.edu.vn trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, theo Phụ lục kèm theo.

3. Tổ Kỹ thuật và khoa Công nghệ thông tin

Phối hợp và hỗ trợ kỹ thuật cho các phòng thuộc Trường trong việc đăng tải, cập nhật và lưu trữ nội dung công khai trên website Trường; đảm bảo thông tin được hiển thị thống nhất, chính xác, dễ truy cập và thuận lợi cho công tác tra cứu, giám sát.

VI. BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ

1. Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục

Có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện công khai của toàn Trường năm 2026, báo cáo Hiệu trưởng; đồng thời đề xuất các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả công khai thông tin trong năm tiếp theo.

2. Các phòng chức năng thuộc Trường

Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả công khai năm 2026, nêu rõ các minh chứng, khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp cải tiến, gửi về Phòng TT-ĐBCLGD trước ngày 31/01/2027 để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch công khai trong hoạt động của Trường ĐHQB năm 2026. Nhà trường yêu cầu các đơn vị thuộc Trường, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo công khai thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch và đúng quy định hiện hành. /*duu*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, TT-ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUẢNG BÌNH
[Signature]
TS. Dương Thị Ánh Tuyết

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NGÀNH
GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN CƠ QUAN/TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN²
Năm:

I. THÔNG TIN CHUNG³

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liên kế năm báo cáo ⁶
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên		
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động		
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ		

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Lĩnh vực A						
	Lĩnh vực B						
	...						
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Lĩnh vực A						
	Lĩnh vực B						

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm
----	--------	-------------	--------------------------

			báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ		
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ		
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)		
2	Diện tích sàn/người học (m2)		
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo		
5	Số bản sách/người học		
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)		

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính			
2	Cơ sở...			
3	Phân hiệu...			
Tổng cộng				

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...		
2	Nâng cấp tòa nhà...		

3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:
- Mức độ đạt kiểm định:
- Thời gian hiệu lực: từ ngày...tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					
2					
...					

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm		
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm		
3	Tỷ lệ thôi học		
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu		
5	Tỷ lệ tốt nghiệp		
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên		
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể		
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn		

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy				
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên		
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên		

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh		
3	Đề tài cấp cơ sở		
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích		
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực		
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
----	-----------------	-------------	-------------------------------

A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		

IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

- ¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung thông tin theo yêu cầu.
- ² Trường cao đẳng có đào tạo ngành GDMN trình độ cao đẳng thực hiện báo cáo này đối với các nội dung có liên quan.
- ³ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.
- ⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- ⁵ Ghi cụ thể năm báo cáo (2025, 2026...)
- ⁶ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (2024, 2025...)
- ⁷ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT
- ⁸ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.
- ⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹⁰ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹¹ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu.
- ¹² Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.
- ¹³ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.
- ¹⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹⁵ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹⁶ Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư.
- ¹⁷ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

